

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/10/2019

"V/v Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Chuyên

2. Ông Nguyễn Hồng Diện

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Đức Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lục Văn T, sinh năm 1971; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Nông Thị T1, sinh năm 1971; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Thôn Xóm M, thôn T, xã Đ, huyện Q, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn nguyên đơn anh Lục Văn T trình bày: Năm 1990, anh và chị Nông Thị T1 được cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Tuy nhiên, do sự thiếu hiểu biết về pháp luật nên anh, chị chung sống với nhau từ thời điểm đó cho đến nay mà không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng hơn 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ anh lười lao động, không chịu tu trí làm ăn, cờ bạc, mang

tài sản của gia đình đi bán, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Khi xảy ra mâu thuẫn gia đình và chính quyền địa phương đã tiến hành hòa giải nhưng tình trạng hôn nhân không được cải thiện. Tình trạng kéo dài lâu ngày, mâu thuẫn kéo dài, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Vợ chồng đã sống ly thân được khoảng 02 năm nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết cho anh ly hôn với chị Nông Thị T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Nông Thị T1 xác nhận: Về thời gian, địa điểm, quan hệ hôn nhân như lời trình bày của anh T là đúng. Năm 1990, chị và anh Lục Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Tuy nhiên, do sự thiếu hiểu biết về pháp luật nên chúng tôi không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng hơn 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ngoại tình nên quan hệ hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng. Tình trạng kéo dài lâu ngày, mâu thuẫn kéo dài, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Khi xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình đã tiến hành khuyên can, hòa giải, tuy nhiên, quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ khoảng năm 2013 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị thì chị hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh Lục Văn T và chị Nông Thị T1 đều xác nhận quá trình chung sống, anh chị có hai con chung là cháu Lục Thị H, sinh ngày 06/4/1993 và cháu Lục Thị T2, sinh ngày 06/8/1991. Nay các cháu đã trên 18 tuổi nên khi ly hôn anh chị đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T và chị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trong đơn xin xét xử vắng mặt anh, chị đều đề nghị giải quyết ly hôn, con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết; tài sản, công nợ chung anh, chị không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lục Văn T và chị Nông Thị T1. Về con chung: Con chung của các đương sự đều đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Về án phí, anh Lục Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do anh Lục Văn T có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nông Thị T1 có nơi cư trú là xóm M, thôn T, xã Đ, huyện G, tỉnh G, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lục Văn T, chị Nông Thị T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn: Anh Lục Văn T và chị Nông Thị T1 bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến nay và được gia đình hai bên cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Lời khai của anh chị phù hợp với nhau và phù hợp với xác nhận về tình trạng hôn nhân của anh chị tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh G nơi anh chị cư trú.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Trong T hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh Lục Văn T là có cơ sở và cần được xử bằng một bản án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị.

[2.2] Về việc nuôi con: Thời gian chung sống anh chị có 02 con chung, là cháu Lục Thị H, sinh ngày 06/4/1993 và cháu Lục Thị T2, sinh ngày 06/8/1991. Do con chung của các đương sự đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung, công nợ chung: Anh Lục Văn T và chị Nông Thị T1 không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4] Ngoài ra nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14, Điều 53, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lục Văn T và chị Nông Thị T1.

- **Về án phí:** Anh Lục Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai số 0000854, ngày 05/8/2019.

Trong T hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Tuấn Vĩnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Chuyên Nguyễn Hồng Diện

Hà Tuấn Vĩnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Oanh Nguyễn Hồng Diệm

Hà Tuấn Vĩnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Hữu Sản (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Tuấn Vĩnh